Trường: THCS Tân Hộ Cơ **Họ và tên giáo viên**
Tổ: Toán – Tin **Nguyễn Thanh Liêm**
Tuần: 21 **Môn: Toán 8**
Tiết PPCT: 81 **Thời gian thực hiện: 1 tiết**

Bài 2. TỌA ĐỘ CỦA MỘT ĐIỂM VÀ ĐỒ THỊ HÀM SỐ

I . MỤC TIÊU

1. KIẾN THỨC Sau khi học xong bài này, học sinh có khả năng:

- Xác định được tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ.
- Xác định được một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó.
- Nhận biết được đồ thị hàm số.

2. NĂNG LỰC

+ Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán

+ Năng lực riêng: Biểu diễn được điểm trên mặt phẳng toạ độ

3. PHẨM CHẤT

Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV : giáo án, SGK, Tài liệu giảng dạy, thước

2. HS : SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Củng cố về toạ độ điểm
- Tạo hứng thú cho HS, gợi động cơ học tập.

b) Nội dung: HS thực hiện giải bài tập khởi động của GV và thảo luận trả lời câu hỏi theo ý kiến cá nhân.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:

- GV chiếu Slide, đặt vấn đề, dẫn dắt qua câu hỏi khởi động:

Biểu diễn các điểm sau lên mp Oxy

A(4; 2); B(–2; 1); M(2; 0); N (0; –3)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời, lớp nhận xét.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi một vài HS biểu diễn điểm
- Các HS khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: "Các em đã biểu diễn được toạ độ của điểm trên mp Oxy, vậy tập hợp các điểm này còn được gọi là gì thì ta sẽ tìm hiểu ở nội dung tiếp theo: đồ thị của hàm số.".

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động: Đồ thị hàm số

a) Mục tiêu:

HS hiểu khái niệm đồ thị hàm số, áp dụng vẽ đồ thị hàm số khi biết tọa độ (x, y) trong mặt phẳng tọa độ và thông qua đồ thị hàm số hoàn thành bảng giá trị của hàm số.

b) Nội dung:

HS quan sát SGK và thực hiện các yêu cầu của GV để tìm hiểu kiến thức về đồ thị hàm số.

c) Sản phẩm:

HS ghi nhớ khái niệm đồ thị hàm số và vẽ đồ thị hàm số khi biết tọa độ (x, y) trong mặt phẳng tọa độ, hoàn thành **Thực hành 3**, **Vận dụng 3**.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	TIẾN TRÌNH NỘI DUNG
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu HS trả lời **HĐKP3** tại chỗ. - Từ **HĐKP3**, GV dẫn dắt, hướng dẫn HS xây dựng khái niệm đồ thị hàm số. - GV cho HS đọc, tìm hiểu lời giải và trình bày lại *Ví dụ 3, Ví dụ 4*. - GV cho HS thực hành vẽ đồ thị hàm số khi biết tọa độ $(x; y)$ và dựa đồ thị hàm số hoàn thành bảng giá trị của hàm số thông qua các yêu cầu HS tự hoàn thành **Thực hành 3, Vận dụng 3** vào vở cá nhân. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện nhiệm vụ thông qua các yêu cầu, điều hành của GV. - GV: giảng, dẫn dắt, phân tích, quan sát và hỗ trợ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày. - Lớp chú ý nhận xét, bổ sung cho bạn. **Bước 6: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lại kiến thức, đánh giá quá trình tiếp thu bài học của lớp, yêu cầu HS hoàn thành ghi vở đầy đủ.	**3. Đồ thị hàm số** **HĐKP3:** Để biểu diễn hàm số $y = f(x)$ trên mặt phẳng tọa độ, ta vẽ các điểm có tọa độ $(x; y)$ trong mặt phẳng tọa độ. **Thực hành 3:** 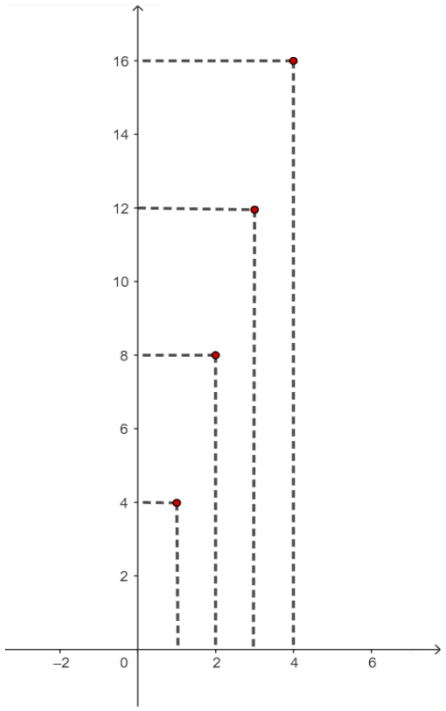 **Vận dụng 3.** x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 y | 4 | 1 | 0 | 1 | 4

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học thông qua bài tập.

b) Nội dung: HS chú ý theo dõi SGK, thực hiện lần lượt các yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm học tập: HS giải quyết được tất cả các bài tập liên quan đến kiến thức đã học.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:

- GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân **BT4 ; BT5** (SGK – tr14) vào vở cá nhân.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát và chú ý lắng nghe, có thể thảo luận nhóm đôi, tự cá nhân hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Mỗi bài tập GV mời đại diện một vài HS trình bày miệng/bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.
Kết quả :
Bài tập 4 :

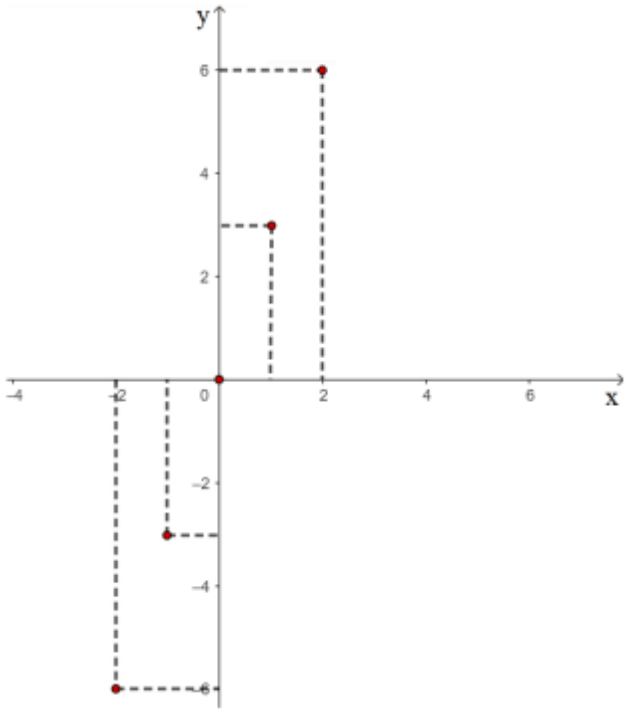

Bài tập 5 :

Điểm $M(-1;-4)$ và $P\left(\frac{1}{4};1\right)$ thuộc đồ thị hàm số $y=4x$.

Bước 6: Kết luận, nhận định:
- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.
- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải khi thực hiện tính toán.

d. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a) Mục tiêu:
- Học sinh củng cố và nắm vững kiến thức đã học.
- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng kiến thức vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

b) Nội dung: HS thực hiện làm bài tập vận dụng.
c) Sản phẩm: HS hoàn thành đúng bài tập SGK
d) Tổ chức thực hiện:
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:
- GV yêu cầu HS thực hiện **BT 8** (SGK – tr14).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện hoàn thành bài tập được giao.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS giơ tay phát biểu, trình bày câu trả lời.
Kết quả :
Bài tập 8 : Đồ thị hàm số S theo biến số t được vẽ hình như sau :

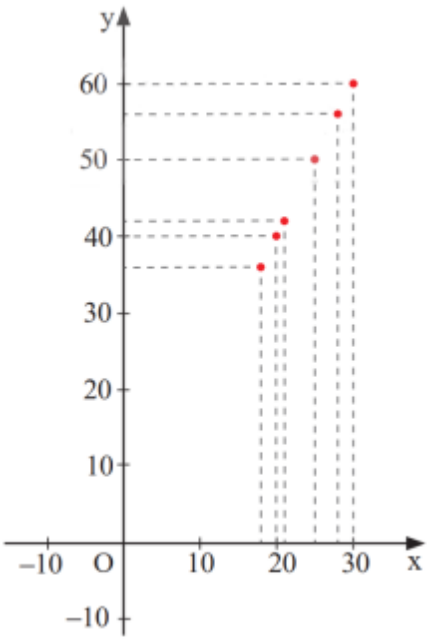

Bước 4: Kết luận, nhận định:
GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực khi làm bài và lưu ý lại một lần nữa các lỗi sai hay mắc phải cho lớp.

Trường: THCS Tân Hộ Cơ **Họ và tên giáo viên**
Tổ: Toán – Tin **Nguyễn Thanh Liêm**
Tuần: 21 **Môn: Toán 8**
Tiết PPCT: 82 **Thời gian thực hiện: 1 tiết**

Bài 3. HÀM SỐ BẬC NHẤT $y = ax + b\ (a \neq 0)$

I . MỤC TIÊU

1. KIẾN THỨC Sau khi học xong bài này, học sinh có khả năng:

- Nhận biết được khái niệm hàm số bậc nhất.
- Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất
- Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất
- Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.

2. NĂNG LỰC

+ Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán

+ Năng lực riêng: Nhận biết được hàm số bậc nhất

3. PHẨM CHẤT

Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV : giáo án, SGK, Tài liệu giảng dạy, thước

2. HS : SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu

Hs nắm được khái niệm hàm số bậc nhất $y = ax + b\ (a \neq 0)$

b) Nội dung

Học sinh thực hiện hoạt động khởi động

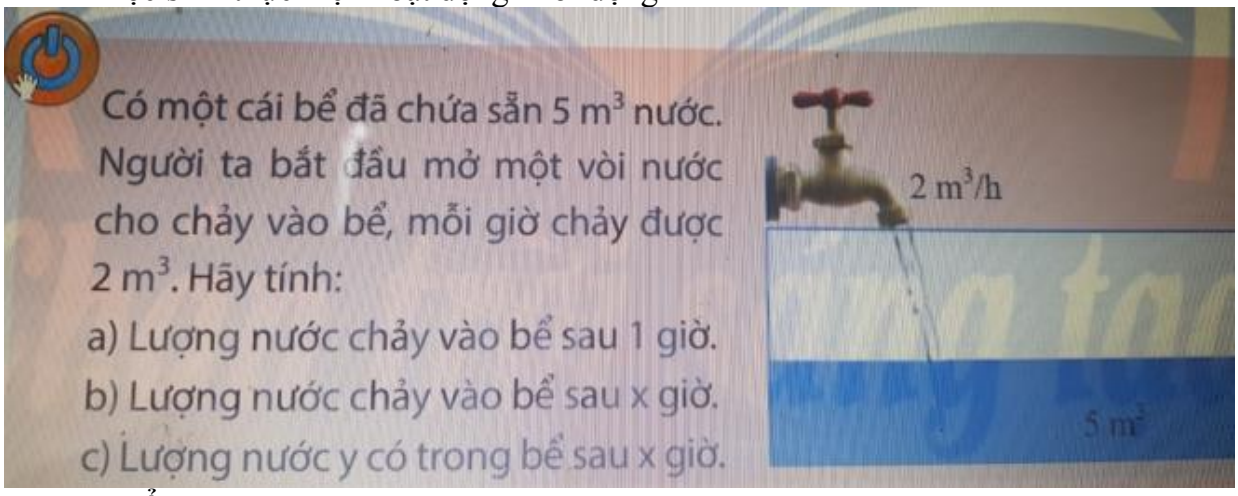

c) Sản phẩm

a) $2m^3$

b) $2x\ (m^3)$

c) $y = 2x + 5\ (m^3)$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
*** GV giao nhiệm vụ học tập**	Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ hoạt

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
*** HS thực hiện nhiệm vụ** *** Báo cáo, thảo luận** - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi của giáo viên. - HS cả lớp quan sát nhận xét câu trả lời của bạn. *** Kết luận, nhận định** - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.	động khởi động a) $2m^3$ b) $2x\,(m^3)$ c) $y = 2x + 5\,(m^3)$

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động: Hàm số bậc nhất

a) Mục tiêu: Học sinh có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về cách mô tả một hàm số bậc nhất có dạng $y = \text{ax} + b\ (a \neq 0)$

b) Nội dung:

GV nêu vấn đề: Trong thực tế chúng ta thường gặp các mô hình dẫn đến những hàm số có dạng như:

$y = 2x + 5;\ y = -x + 4;\ y = 5x;\ ...$ Những hàm số này gọi là các hàm số bậc nhất.

Vậy hàm số bậc nhất có dạng thế nào?

c) Sản phẩm:

Hàm số bậc nhát là hàm số được cho bởi công thức $y = \text{ax} + b$ Với a, b là các số cho trước và $a \neq 0$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung
GV giao nhiệm vụ học tập * HS thực hiện nhiệm vụ * Báo cáo, thảo luận GV đánh giá và nhận xét	Vậy hàm số bậc nhất có dạng thế nào? Hs tham gia thực hiện nhiệm vụ Hàm số bậc nhất là hàm số được cho bởi công thức $y = \text{ax} + b$ Với a, b là các số cho trước và $a \neq 0$

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Học sinh thực hành nhận dạng hàm số bậc nhất để rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu cần đạt

b) Nội dung:

Thực hành 1: Tìm các hàm số bậc nhất trong các hàm số sau đây và chỉ ra các hệ số a, b của các hàm số đó

$$y = 4x - 7;\ y = x^2;\ y = -6x - 4;\ y = \frac{3}{x};\ s = 5v + 8;\ m = 30n - 25$$

c) Sản phẩm: Hs thực hiện nhiệm vụ

$y = 4x - 7$ có hệ số $a = 4$ và $b = -7$

$y = -6x - 4$ có hệ số $a = -6; b = -4$

$y = 4x$ có hệ số $a = 4; b = 0$

$s = 5v + 8$ có hệ số $a = 5;\ b = 8$

$m = 30n - 25$ có $a = 30; b = -25$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
GV giao nhiệm vụ học tập * HS thực hiện nhiệm vụ * Báo cáo, thảo luận GV đánh giá và nhận xét	Tìm các hàm số bậc nhất trong các hàm số sau đây và chỉ ra các hệ số a, b của các hàm số đó Hs thực hiện nhiệm vụ độc lập GV cho hs nhận xét $y = 4x - 7$ có hệ số $a = 4$ và $b = -7$ $y = -6x - 4$ có hệ số $a = -6; b = -4$ $y = 4x$ có hệ số $a = 4; b = 0$ $s = 5v + 8$ có hệ số $a = 5; b = 8$ $m = 30n - 25$ có $a = 30; b = -25$

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức vừa học vào thực tế, sử dụng mô hình hàm số bậc nhất để biểu diễn mối liên hệ giữa các đại lượng

b) Nội dung: Gv nêu yêu cầu

Một hình chữ nhật có các kích thước là 2m và 3m. Gọi y là chu vi của hình chữ nhật này sau khi tăng chiều dài và chiều rộng thêm x (m). Hãy chứng tỏ y là một hàm số bậc nhất theo biến số x. Tìm các hệ số a,b của hàm số này.

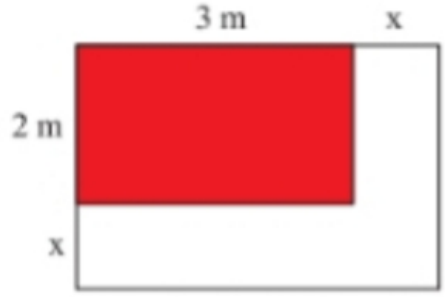

Hình 1

c) Sản phẩm: $y = 4x + 10; a = 4; b = 10$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
GV giao nhiệm vụ học tập * HS thực hiện nhiệm vụ * Báo cáo, thảo luận GV đánh giá và nhận xét	GV giao nhiệm vụ cho hs (Vận dụng 1/ sgk) Hs hoạt động nhóm 5p Các nhóm báo cáo và nhận xét chéo GV nhận xét và kết luận

Trường: THCS Tân Hộ Cơ **Họ và tên giáo viên**
Tổ: Toán – Tin **Nguyễn Thanh Liêm**
Tuần: 21 **Môn: Toán 8**
Tiết PPCT: 83, 84 **Thời gian thực hiện: 2 tiết**

Bài 2. ĐƯỜNG TRUNG BÌNH CỦA TAM GIÁC

I . MỤC TIÊU

1. KIẾN THỨC Sau khi học xong tiết này HS

- Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác.
- Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó).
- Biết vận dụng tính chất đường trung bình của tam giác trong giải toán và giải quyết một số vấn đề thực tế.

2. NĂNG LỰC

+ Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán

+ Năng lực riêng: Vận dụng được tính chất đường trung bình của tam giác vào bài tập và thực tế

3. PHẨM CHẤT

Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV : giáo án, SGK, Tài liệu giảng dạy, thước

2. HS : SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu: Giúp HS có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về tình huống xuất hiện đường trung bình khi tính khoảng cách trong thực tế.

b. Nội dung: HS quan sát hình và trả lời câu hỏi SGK - 52

***c. Sản phẩm học tập*:** Dự đoán của HS về khoảng cách giữa hai điểm B và C.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*SẢN PHẨM DỰ KIẾN*
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV: Trong cuộc sống, thường có những khoảng cách không đo được bằng các trực tiếp, người ta có thể sử dụng cách đo gián tiếp, trong hình để đo BC người ta đã đo cạnh DE. Như vậy nếu đo được DE là 45m thì BC là bao nhiêu? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV ghi nhận các dự đoán của HS, HS tự đánh giá đúng – sai sau khi học xong bài.	HS đưa ra các dự đoán về độ dài của BC.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Đường trung bình của tam giác

a. Mục đích: Giúp HS có cơ hội khám phá định nghĩa đường trung bình của tam giác.

b. Nội dung:

- HS thực hiện HĐ1 theo hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm:

- HS hoàn thành hoạt động khám phá theo hướng dẫn của GV.
- HS biết được khái niệm đường trung bình của tam giác.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*SẢN PHẨM DỰ KIẾN*
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ1. - GV yêu cầu HS thực hiện Thực hành 1. - GV yêu cầu HS thực hiện vận dụng 1 theo nhóm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: HS dựa vào định lý Thalès để chứng minh. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một HS lên bảng chứng minh, các HS bên dưới quan sát và nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** **GV:** Nhận xét câu trả lời của HS và nêu kết luận về kiến thức: ***Đường thẳng đi qua trung điểm một cạnh của tam giác và song song với cạnh thứ 2 thì đi qua trung điểm của cạnh thứ 3.*** Từ những hoạt động trên, GV tổng kết kiến thức trọng tâm – định nghĩa đường trung bình của tam giác: ***Đường trung bình của tam giác là đường thẳng nối hai cạnh của tam giác.*** Hoạt động ví dụ: Cho học sinh thực hiện VD1 - SGK.	**1. Đường trung bình của tam giác** *HS trả lời HĐ1:* $MN \parallel BC \Rightarrow \frac{AM}{AB} = \frac{AN}{AC} = \frac{1}{2}$ Vậy N là trung điểm AC. *HS ghi các định nghĩa vào vở:* Đường thẳng đi qua trung điểm một cạnh của tam giác và song song với cạnh thứ 2 thì đi qua trung điểm của cạnh thứ 3. ***Đường trung bình của tam giác là đường thẳng nối hai cạnh của tam giác.*** ***Thực hành 1:*** Vì $\widehat{OMN} = \widehat{OPQ}$ (gt) nên $MN \parallel PQ$ (hai góc đồng vị bằng nhau) $MN \parallel PQ$ M là trung điểm OP Suy ra N là trung điểm OQ. Vậy NQ = ON = 4 (đvđd) ***Vận dụng 1****:* Ta có: $\begin{cases} MN \perp AB \\ AC \perp AB \end{cases}$ Suy ra $MN \parallel AC$ Theo định lý Thalès ta có $\frac{BN}{NC} = \frac{BM}{AM} = 1$ Suy ra NB = NC hay N là trung điểm BC. Vì M và N lần lượt là trung điểm của AB và BC nên MN là đường trung bình của tam giác ABC.

Hoạt động 2. Tính chất của đường trung bình

a. Mục đích: Giúp HS khám phá tính chất của đường trung bình bằng cách áp dụng định lý Thalès.

b. Nội dung:

- HS thực hiện HĐ2 theo hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm:

- HS hoàn thành hoạt động khám phá theo hướng dẫn của GV.

- HS biết được tính chất đường trung bình của tam giác.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*SẢN PHẨM DỰ KIẾN*
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ2. - GV yêu cầu HS thực hiện Thực hành 2. - GV yêu cầu HS trả lời lại câu hỏi khởi động ban đầu. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** **-** HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: HS dựa vào định lý Thalès để làm bài. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **-** Ba HS lên bảng giải các câu a, b, c, các HS bên dưới quan sát và nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** **GV:** Đánh giá câu trả lời của HS và nêu kết luận về kiến thức: ***Đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh ấy.*** HS đọc hiểu VD2.	**2. Tính chất của đường trung bình** *HS trả lời HĐ2:* a. $\frac{AM}{AB}=\frac{1}{2};\frac{AN}{AC}=\frac{1}{2}$ b. Ta có: $\frac{AM}{AB}=\frac{AN}{AC}$ suy ra $MN \parallel BC$ (định lý Thalès đảo) c. Xét tam giác ABC. Ta có: $MN \parallel BC$ Suy ra $\frac{AM}{AB}=\frac{AN}{AC}=\frac{MN}{BC}=\frac{1}{2}$ (hệ quả định lý Thalès) *HS ghi tính chất vào vở:* ***Đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh ấy.*** ***Thực hành 2:*** + D là trung điểm JK Suy ra $DJ=\frac{JK}{2}=\frac{10}{2}=5\,cm$ (tính chất trung điểm) + E là trung điểm JL, F là trung điểm KL Suy ra EF là các đường trung bình của tam giác JKL. $EF=\frac{JK}{2}=\frac{10}{2}=5\,cm$ (tính chất đường trung bình) + E là trung điểm JL Suy ra JL = 2EL = 2.3,7 = 7,4 cm D là trung điểm JK, F là trung điểm KL Suy ra DF là các đường trung bình của tam giác JKL. $DF=\frac{JL}{2}=\frac{7,4}{2}=3,7\,cm$ (tính chất đường trung bình) +D là trung điểm JK, E là trung điểm JL

	Suy ra DE là các đường trung bình của tam giác JKL. Suy ra $DE=\frac{KL}{2}\Rightarrow KL=2DE=2.6,5=13\,cm$ ***Vận dụng 2:*** D là trung điểm của AB, E là trung điểm của AC. Suy ra DE là đường trung bình của tam giác ABC. Suy ra $DE=\frac{BC}{2}\Rightarrow BC=2DE=2.45=90\,m$

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

***c. Sản phẩm học tập*:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*SẢN PHẨM DỰ KIẾN*
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *Nhiệm vụ 1: Làm BT1 – SGK trang 53* *Nhiệm vụ 2: Làm BT2 – SGK trang 54* *Nhiệm vụ 3: Làm BT3 – SGK trang 54* *Nhiệm vụ 4: Làm BT4 – SGK trang 54* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân, sau đó trao đổi, kiểm tra chéo đáp án. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời đại diện 2-3 HS trình bày lên bảng. Các HS khác chú ý nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** - GV chữa bài, lưu ý HS những lỗi sai.	*HS trình bày vào vở các BT:* **BT1 – SGK 53:** MN là đường trung bình của tam giác ABC Nên $MN=\frac{BC}{2}$ a) $MN=\frac{BC}{2}\Rightarrow 6=\frac{x}{2}\Rightarrow x=6.2=12$ b) $MN=\frac{BC}{2}\Rightarrow 7=\frac{2x+3}{2}\Rightarrow 2x+3=7.2=14\Rightarrow x=\frac{11}{2}$ c) $MN=\frac{BC}{2}\Rightarrow 5x-1=\frac{58}{2}=29\Rightarrow x=\frac{29+1}{5}=6$ **BT2 – SGK 54** Xét tam giác ABC có: + P là trung điểm AB (AP=PB) + Q là trung điểm AC (AQ=QC) Suy ra PQ là đường trung bình của tam giác ABC. Suy ra $PQ=\frac{BC}{2}=\frac{9}{2}cm$ **BT3 – SGK 54:** Áp dụng định lý Pythagore, ta có: $AC=AB=\sqrt{4^2+2^2}=2\sqrt{5}$

	Áp dụng tính chất đường trung bình của tam giác ABC, ta có: $PQ = \frac{AB}{2} = \sqrt{5}\,cm$ $PR = \frac{AC}{2} = \sqrt{5}\,cm$ $RQ = \frac{BC}{2} = \sqrt{10}\,cm$ BT4 – SGK 54: a) $\Delta FBA = \Delta FCK$ (g.c.g) b) Ta có $\Delta FBA = \Delta FCK$, suy ra AF=FK và AB=CK. EF là đường trung bình của ΔADK, suy ra EF//DK và $EF = \frac{DK}{2}$, suy ra EF//CD//AB c) Ta có $EF = \frac{DK}{2} = \frac{CK + CD}{2} = \frac{AB + CD}{2}$

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học giải quyết bài toán trong thực tế hoặc liên môn.

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT 7 – SGK trang 54.

***c. Sản phẩm học tập*:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	*SẢN PHẨM DỰ KIẾN*
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS làm bài 7 – SGK trang 54. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân, sau đó trao đổi, kiểm tra chéo đáp án. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời đại diện 1 HS trình bày miệng. Các HS khác chú ý nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** - GV chữa bài, lưu ý HS những lỗi sai.	*HS trình bày vào vở các BT:* **BT7 – SGK 54:** B, C lần lượt là trung điểm của AD và AE nên BC là đường trung bình của tam giác ADE. Suy ra $BC = \frac{DE}{2} \Rightarrow DE = 2BC = 2.232 = 464\,m$

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

.....

GV soạn	Duyệt của tổ CM	Duyệt của BGH
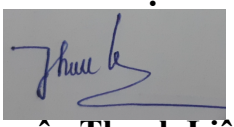		
Nguyên Thanh Liêm	Lâm Quang Kết Ký bởi: Lâm Quang Kết Thời gian ký: 25/02/2025 20:00:20	